

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **167/2020/HC-PT**

Ngày: 14-9-2020

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Trương Minh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 160/2020/TLPT-HC ngày 01 tháng 4 năm 2020, về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HCST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1371/2020/HC-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông **Nguyễn Đức T** - sinh năm: 1986; Trú tại: Thôn 8, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân huyện E1, tỉnh Đắk Lắk;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E1, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ: 22 đường Đ, thị trấn E1, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện E1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E1: Ông **Y T** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E1. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện E1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E1:

+ Ông Hà Hoàng Q - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E1. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Đình Tr – Chức vụ: Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E1. Có mặt.

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện - ông Nguyễn Đức T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau: Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Đức T trình bày:*

Gia đình tôi vào thôn 7, xã E1 làm rẫy vào năm 1998. Năm 2000 gia đình tôi chính thức nhập hộ khẩu tại UBND xã E1, huyện E1. Năm 2000 tôi cùng với mẹ và các chị em của tôi có khai hoang một đám rẫy đã bị bỏ hoang của hộ gia đình nào đó từ rất lâu. Khi đi hỏi những người làm gần khu vực đó thì được biết người làm đám rẫy trước đó đã bị tai nạn chết sau đó không thấy ai đến làm nữa. Kể từ năm 2000 gia đình tôi bắt đầu khai hoang và làm được diện tích khoảng 07 ha. Chúng tôi đã tiến hành trồng cây lâu năm và cây ngắn ngày trên đất. Năm 2004 sau khi chúng tôi đã sử dụng ổn định và cây trồng cho thu nhập ổn định mẹ tôi bà Phạm Thị C đã tặng cho tôi và chị gái tôi tên Nguyễn Thị M. Tôi được mẹ tặng cho với diện tích 35.735,4m². Tuy nhiên mẹ vẫn ở với tôi nên tôi và mẹ canh tác ổn định diện tích đất trên từ năm 2000 đến nay. Năm 2006 tôi đã đến UBND xã E1 làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Năm 2017 tôi được UBND xã thông báo bằng miệng đất của tôi sẽ bị thu hồi để làm hồ chứa nước EI. Khoảng tháng 10 năm 2008 tôi được cán bộ địa chính xã E1 mời làm việc tại UBND xã E1 để làm bảng xác minh nguồn gốc đất. Đến ngày 17/12/2018 sau khi bảng xác minh nguồn gốc đất được công khai tại UBND xã thì tôi cũng nhận được thông báo về việc thu hồi đất. Sau khi hội đồng bồi thường huyện E1 kiểm đếm cây trồng, vật tư kiến trúc xong thì ngày 25/12/2018 tôi có nhận được quyết định thu hồi đất số 3896/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 và quyết định phê duyệt phương án số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018. Tuy nhiên, tại quyết định phê duyệt phương án số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 chỉ hỗ trợ cho tôi khi thu hồi đất chứ không phải bồi thường.

Sau khi nhận được các quyết định như trên tôi không đồng ý nên đã khiếu nại lên Ủy ban nhân dân huyện E1. Ngày 12/3/2019 Ủy ban nhân dân huyện E1 ban hành quyết định số 609/QĐ-UBND không chấp nhận đơn khiếu nại của tôi với lý do họ cho rằng đất của tôi lấn chiếm đất rừng nên không

được bồi thường. Do không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu tôi tiếp tục khiếu nại lần 2 lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhưng sau đó tôi không yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại nữa mà làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Qua tìm hiểu tôi được biết năm 2007 UBND tỉnh có ban hành quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 thu hồi 6.679 ha đất của Công ty Lâm nghiệp E1 và giao về cho UBND huyện E1 quản lý theo quy hoạch kế hoạch sử dụng đất trong đó có vị trí đất của tôi thuộc tiểu khu 10. Tuy nhiên, năm 2000 khi gia đình tôi khai hoang đất vì sao Công ty Lâm nghiệp E1 không có biện pháp ngăn chặn. Sau khi Công ty Lâm nghiệp bàn giao lại đất cho UBND huyện E1 và UBND huyện E1 bàn giao cho UBND xã E1 quản lý vào năm 2007 không kiểm tra thực địa và lập biên bản vi phạm pháp luật về đất đai. Khi chúng tôi khai hoang đất thì không biết đó là đất rừng hay đất của cơ quan nhà nước nào nên đã trồng trọt và đầu tư trên đất, nay Nhà nước thu hồi đất và chi hỗ trợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi, lỗi này thuộc về các cơ quan Nhà nước chứ không phải lỗi của chúng tôi.

Qua nghiên cứu Luật Đất đai và đối chiếu với quyết định thu hồi đất thì đất của tôi bị thu hồi là đất nông nghiệp và biên bản niêm yết xác minh nguồn gốc đất của tôi được UBND xã E1 xác nhận là đất khai hoang năm 2000 cho tặng năm 2004, đất của tôi không nằm trong đất rừng cộng đồng hay đất rừng đang được bảo vệ và phát triển. Căn cứ vào khoản 2 Điều 77 và Điều 75 Luật Đất đai đất của tôi đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi vì mục đích phát triển kinh tế xã hội.

Tại khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai thì gia đình tôi khai hoang đám đất này gia đình tôi đã có hộ khẩu thường trú từ năm 2000, đã sử dụng đất ổn định, trực tiếp được Ủy ban nhân dân xã E1 xác nhận đất không có tranh chấp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoản 2 Điều 64 quy định để có căn cứ xác định tôi có vi phạm pháp luật đất đai hay không thì phải có văn bản xử lý và có quyết định của cơ quan có thẩm quyền nhưng từ khi tôi khai hoang sử dụng đất đến nay chưa bị xử lý vi phạm.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện E1 ban hành Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 chỉ hỗ trợ về đất cho gia đình tôi khi thu hồi đất tôi không đồng ý. Tôi đề nghị Tòa án tuyên hủy một phần quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND huyện E1 và tuyên hủy Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện E1.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Y T trình bày:*

Ông Nguyễn Đức T khiếu nại Quyết định số 3780/QĐ-UBND, ngày 25/12/2018 của UBND huyện E1 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ

trợ về đất và tài sản gắn liền trên đất khi Nhà nước thu hồi đất (trong đó có đất của gia đình ông T) để xây dựng công trình đầu mối Dự án Hồ chứa nước EI, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk với mức giá hỗ trợ là không đúng với quy định của pháp luật, vì ông cho rằng nguồn gốc đất của ông được UBND xã E1 xác nhận là đất nông nghiệp, khai hoang từ năm 2000, nên đủ điều kiện bồi thường theo khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 12/3/2019 UBND huyện E1 ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức T. Giữ nguyên nội dung Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình đầu mối Dự án Hồ chứa nước EI, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi có kết quả giải quyết ông Nguyễn Đức T không đồng ý với quyết định giải quyết của UBND huyện E1, ông Nguyễn Đức T khiếu nại lần 2 lên Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết. Trong quá trình giải quyết đơn khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Đức T và 10 hộ dân ở xã E1, huyện E1. UBND tỉnh đã tiến hành xác minh và tổ chức đối thoại với các hộ dân, sau đó ông Nguyễn Đức T rút đơn khiếu nại lần 2 và khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ kết quả thẩm tra, xác minh và hồ sơ, tài liệu có liên quan cho thấy diện tích đất ông Nguyễn Đức T đang khiếu nại có nguồn gốc lấn chiếm đất lâm nghiệp do Nhà nước quản lý (về pháp lý: Năm 2007 UBND tỉnh thu hồi diện tích đất này do Công ty Lâm nghiệp E1 quản lý để giao địa phương quản lý, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 27/12/2007), vi phạm pháp luật về đất đai, sử dụng không đúng mục đích và không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện E1. Khi bàn giao đất Sở Tài nguyên môi trường có lập biên bản bàn giao thực địa và Ủy ban nhân dân huyện E1 có ký vào biên bản thu hồi đất, bàn giao đất thực địa. Hiện nay toàn bộ thủ tục bàn giao đều do Sở Tài nguyên và môi trường lưu trữ, quản lý. Từ khi Ủy ban nhân dân huyện E1 tiếp nhận quản lý diện tích trên không tiến hành xử lý vi phạm đối với hộ ông Nguyễn Đức T về việc lấn chiếm sử dụng đất.

Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 75, Điều 82, Luật Đất đai năm 2013 diện tích đất ông đang khiếu nại không đủ điều kiện để bồi thường.

Đối với bản trích danh sách xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với các hộ có đất bị thu hồi để thực hiện Dự án cụm công trình đầu mối hồ chứa nước EI cho trường hợp ông Nguyễn Đức T thôn 8, xã E1, Ủy ban huyện có ý kiến như sau: Đây là bảng tổng hợp của UBND xã E1. Tuy nhiên, đối với danh sách này Ủy ban nhân dân xã E1 xác định đất của ông T có một số đủ điều kiện cấp đất theo khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất là không có cơ sở vì xã không có thẩm quyền xác định đất có đủ điều

kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không mà Ủy ban nhân dân xã E1 chỉ có thẩm quyền xác minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đối với các trường hợp đất chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và đối tượng trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT.

Hiện nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND huyện E1 và tuyên hủy Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện E1, Ủy ban nhân dân huyện E1 không đồng ý. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên các quyết định nêu trên.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HCST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69; Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà Nước thu hồi đất; Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 18; Điều 28; Điều 29; Điều 30 Luật khiếu nại tố cáo 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP, ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về yêu cầu tuyên hủy một phần Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND huyện E1 và tuyên hủy Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện E1.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020 ông Nguyễn Đức T kháng cáo toàn bộ bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Nguyễn Đức T, vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức T.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Diện tích đất của ông T có vị trí thuộc khu vực thi công lòng hồ công trình Hồ chứa nước EI tại xã E1. Nguồn gốc là đất lâm nghiệp do Công ty Lâm nghiệp E1 quản lý. Đến năm 2007 UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi diện tích đất này giao về địa phương quản lý theo Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 21/12/2007. Đối chiếu với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thể hiện diện tích đất của ông T là quy hoạch đất thủy lợi. Như vậy, gia đình ông T sử dụng diện tích đất này từ năm 2000 để sản xuất nông nghiệp là không đúng mục đích và không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương, vi phạm quy định tại Điều 6 Luật Đất đai năm 1993, được thể hiện tại danh sách xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với các hộ có đất bị thu hồi để thực hiện Dự án cụm công trình đầu mối hồ chứa nước EI. Sau khi biết được danh sách này ông T cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Gia đình ông T vi phạm quy định về đất đai nhưng Ủy ban nhân dân huyện E1 chưa tiến hành các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi lấn chiếm đất lâm nghiệp là thiếu sót. Tuy nhiên, ông T cho rằng vì không biết nguồn gốc đất khai hoang là đất lâm nghiệp và không thấy các cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm khi lấn chiếm đất nên ông phải được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là không có căn cứ.

[2] Xét diện tích đất của ông T không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. UBND huyện E1 đã căn cứ vào Khoản 3, Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Tại Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND huyện E1 thể hiện ông Nguyễn Đức T đã được UBND huyện E1 áp dụng mức hỗ trợ tối đa là 30% khi thu hồi đất là phù hợp.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện E1 ban hành Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền trên đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Nguyễn Đức T và ban hành Quyết định số 609/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông T là có cơ sở.

Tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ nào mới cần được xem xét, do vậy đơn kháng cáo của ông T không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đức T.

Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69; Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 18; Điều 28; Điều 29; Điều 30 Luật khiếu nại tố cáo 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP, ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về yêu cầu tuyên hủy một phần Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND

huyện E1 và tuyên hủy Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện E1.

2. Án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Số tiền nộp theo biên lai số AA/2019/0008485 ngày 10/3/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk nay được chuyển thành tiền án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành